

Đương Sát: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nam  
 Cung mệnh: Mậu Dần - Thai Nguyên: Giáp Tuất  
 Thân Nhược: Hỏa 25/50  
 Dụng Thần: Thủy Mộc

XemTuong.net  
 lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 2020			Trụ Tháng 07			Trụ Ngày 23			Trụ Giờ 16:01		
Tài CANH	Q.Đới TÝ	Q.Đới Tử	Sát QUÝ	MÙI	Mộ	Thân ĐINH	Kiêu MÃO	Q.Đới	Thương MẬU	THÂN	Suy
Quý	Kỷ		Mộ	Át	Đinh	ĐINH	Át	Bệnh	Canh	Mậu	Bệnh
Sát	Thực	Kiêu		Tỷ		Kiêu	Đinh		Tài	Thương	Nhâm
Mộ	Q.Đới	Dưỡng		Q.Đới		Dưỡng	Q.Đới		Q.Đới	Suy	Quan
Tuyệt			Quan Đới			Bệnh			Mộc Dục		
Tướng Tinh	Hoa Cái			Đại Hao		Tướng Tinh		Cầu	Kim Du		Kiếp Sát
Đào Hoa	Giáp Lộc			Ám Lộc		Tú Quý Nhân		Cửu Quý PH.			
	Hồng Diễm			Dương Nhận		Hồng Loan					
Đại Vận 0 (0 - 3 tuổi)	Đại Vận 1 (4 - 13 tuổi)			Đại Vận 2 (14 - 23 tuổi)			Đại Vận 3 (24 - 33 tuổi)				
Sát QUÝ	MÙI	Mộ	Ấn GIÁP	THÂN	Tuyệt	Kiêu ÁT	DẬU	Tuyệt	Kiếp BÍNH	TUÁT	Mộ
Kỷ	Át	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm	ÁT	Tân		Mậu	Đinh	Tân
Thực	Kiêu	Tỷ	Tài	Thương	Quan		T.Tài		Thương	Tỷ	T.Tài
Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	Bệnh	T.Sinh		L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đới
Đại Vận 4 (34 - 43 tuổi)	Đại Vận 5 (44 - 53 tuổi)			Đại Vận 6 (54 - 63 tuổi)			Đại Vận 7 (64 - 73 tuổi)				
Tỷ ĐINH	HỢI	Thai	Thương MÃU	TỶ	Thai	Thực KỶ	SỬU	Mộ	Tài CANH	DÀN	Tuyệt
Giáp	Nhâm		Quý	Sát		Kỷ	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu
Án	Quan		Sát	L.Quan		Thực	T.Tài	Sát	Án	Kiếp	Thương
T.Sinh	L.Quan		L.Quan			MỘ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh
Đại Vận 8 (74 - 83 tuổi)	Đại Vận 9 (84 - 93 tuổi)			Đại Vận 10 (94 - 103 tuổi)			Đại Vận 11 (104 - 113 tuổi)				
T.Tài	MÃO	Tuyệt	Quan NHÂM	THÌN	Mộ	Sát QUÝ	TỶ	Thai	Ấn GIÁP	NGỌ	Tử
TÂN	Át		Mậu	Át	Quý	Quý	Mậu	Canh	Đinh	KỶ	DẬU
	Kiêu		Thương	Kiêu	Sát	Đinh	Thương	Tài	T.Sinh	T.Sinh	L.Quan
	L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	

Tài CANH	2020	1 tuổi	T.Tài TÝ	2021	2 tuổi	Quan NHÂM	2022	3 tuổi	Sát QUÝ	2023	4 tuổi	Ấn GIÁP	2024	5 tuổi
Kiêu AT	2025	6 tuổi	Kiếp BÍNH	2026	7 tuổi	TỶ ĐINH	2027	8 tuổi	Thương MÃU	2028	9 tuổi	Thực KỶ	2029	10 tuổi
Tài CANH	2030	11 tuổi	T.Tài TÂN	2031	12 tuổi	Quan NHÂM	2032	13 tuổi	Sát QUÝ	2033	14 tuổi	Ấn GIÁP	2034	15 tuổi
Kiêu AT	2035	16 tuổi	Kiếp BÍNH	2036	17 tuổi	TỶ ĐINH	2037	18 tuổi	Thương MÃU	2038	19 tuổi	Thực KỶ	2039	20 tuổi
Tài CANH	2040	21 tuổi	T.Tài TÂN	2041	22 tuổi	Quan NHÂM	2042	23 tuổi	Sát QUÝ	2043	24 tuổi	Ấn GIÁP	2044	25 tuổi
Kiêu AT	2045	26 tuổi	Kiếp BÍNH	2046	27 tuổi	TỶ MÃO	2047	28 tuổi	Thương MÃU	2048	29 tuổi	Thực KỶ	2049	30 tuổi
Tài CANH	2050	31 tuổi	T.Tài TÂN	2051	32 tuổi	Quan NHÂM	2052	33 tuổi	Sát QUÝ	2053	34 tuổi	Ấn GIÁP	2054	35 tuổi
Kiêu AT	2055	36 tuổi	Kiếp BÍNH	2056	37 tuổi	TỶ ĐINH	2057	38 tuổi	Thương MÃU	2058	39 tuổi	Thực KỶ	2059	40 tuổi
Tài CANH	2060	41 tuổi	T.Tài TÂN	2061	42 tuổi	Quan NHÂM	2062	43 tuổi	Sát QUÝ	2063	44 tuổi	Ấn GIÁP	2064	45 tuổi
Kiêu AT	2065	46 tuổi	Kiếp BÍNH	2066	47 tuổi	TỶ MỘ	2067	48 tuổi	Thương MÃU	2068	49 tuổi	Thực KỶ	2069	50 tuổi
Tài CANH	2070	51 tuổi	T.Tài TÂN	2071	52 tuổi	Quan NHÂM	2072	53 tuổi	Sát QUÝ	2073	54 tuổi	Ấn GIÁP	2074	55 tuổi

Kiểu <b>ẤT</b>	2075	56 tuổi	Kiếp <b>BÍNH</b>	2076	57 tuổi	Tý <b>ĐINH</b>	2077	58 tuổi	I hương <b>MÃU</b>	2078	59 tuổi	I hực <b>KỶ</b>	2079	60 tuổi
MÙI	Dưỡng		THÂN	Bệnh		DẬU		T.Sinh	TUẤT		Mộ	HỢI	Thai	

Kim **Hỏa** Thủy **Thổ** Mộc **Thiên khắc địa xung**

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tú trù này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trù, bát tự hay tú trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem **nội quy** trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!  
Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tú Trù

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù năm **Tý Thủy** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù tháng **Mùi Thổ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù ngày **Mão Mộc** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù giờ **Thân Kim** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Quý** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Mậu** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** **Giáp Tuất** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Nhâm Tuất** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Tuất Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Cháu được phúc lộc.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trù năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trù tháng **Quý Mùi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trù ngày **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **HỎA**, gặp trù giờ **Mậu Thân** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trù này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trù kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trù này để bồ túc cho tú trù, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trù Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trù Tháng **Quý Mùi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trù Ngày **Đinh Mão** là **Mộc** sinh **HỎA**.

Chúng tôi thấy rằng trù Giờ **Mậu Thân** là **Thổ** sinh **Kim**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trù thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 6/8

### Xét thiên can địa chi trù ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi **Đinh Mão** và **Canh Tý** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi **Mão Mùi** này thuộc nhóm **Hợi Mão Mùi** tam hợp **Mộc**, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi **Đinh Mão** và **Mậu Thân** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Nhược: **HỎA** 25/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trù thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân **HỎA** Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **25/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **20/36** điểm là thân **HỎA** Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Nhược **HỎA**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Cháu ở mức Trung Bình** không vượng cũng

không nhược. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **Hỏa** thì dụng thần nên là **Mộc** để sinh thêm **Hỏa**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiềm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

**Dụng Thần: Thủy Mộc** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 1)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Cháu vì **Thủy** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 2)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cây giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Cháu vì **Mộc** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt

cho thân vượng và có cái sể tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

### **Thiên khắc địa xung**

Trụ Năm Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

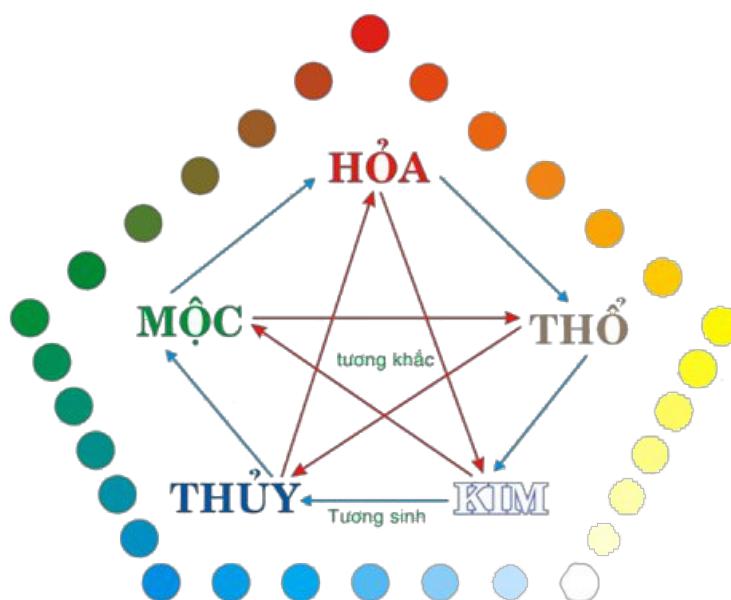
Trụ Tháng Quý Mùi bị **Kỷ Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Sửu**.

Trụ Ngày Đinh Mão bị **Quý Dậu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Dậu**.

Trụ Giờ Mậu Thân bị **Giáp Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Dần**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



**Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:**

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Nghị định	Mộc Dương cực	HỎA chinh Dương cực	ÂM Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hàng chinh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thê đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngòe
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Đậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nỗi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khẳng, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhin chung, người thuộc Hỏa hợp với phuơng Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

### Quý Cháu Người Thuộc Hỏa Nhược

Người mà Hỏa suy thì dáng người góc nhọn, tướng gầy, da vàng, nói nồng è à, dối trá, bản tính cay độc, làm việc thường chỉ nhiệt tình, hăng hái được lúc đầu, sau đó bỏ bê, có đầu mà không có cuối. Người Hỏa quá suy, cũng thường dễ mắc các bệnh như người Hỏa quá vượng (bệnh phàn mặt, răng, lưỡi), tuy nhiên, dễ mắc những bệnh liên quan tới hệ tiêu hoá hơn.

### Cung Mệnh ở Dần có sao Thiên quyề

Quý Cháu thông minh sắc sảo, trung niên có quyền bính.

### Trụ năm của Quý Cháu có Chánh Tài

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

### Trụ tháng của Quý Cháu có Thiên Quan

Trụ tháng có thiên quan (sát) trường hợp mang dương nhẫn thì bố mẹ khó toàn vẹn. Nếu có hội hợp thì có thể giải. Trường hợp gặp năm hoặc trụ giờ có thực thần (thực) chế thì là mệnh quý. Người có thiên quan ở trụ tháng thường thích dẫn đầu, thích chọn những công việc mũi nhọn

### Trụ ngày của Quý Cháu có Thiên Ân

Trụ ngày gặp thiên ân (kiêu) thì nam không lấy được vợ tốt, nữ thì không lấy được chồng cao sang. Người bạn đời tuy rõ ràng minh bạch nhưng thích sống cô độc. Trường hợp tú trụ lại gặp thực thần thì tuổi nhỏ mẹ ít sửa nuôi. Khi vận gặp thực thần (thực) thì bệnh hoặc nghèo lại gặp hình xung thì dễ gặp khó khăn trắc trở.

### Trụ giờ của Quý Cháu có Thương Quan

Trụ giờ có thương quan (thương) thì con cái chí khí cao, hiếu thắng. Hoặc con cái duyên mỏng, học hành dốt nát, không thông minh, không có hiếu. Hào con cái khó khăn. Về già cô độc.

### Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Cửu quý phòng hại

Gặp ngày cửu quý phòng hại vợ chồng dễ bất hòa, nữ thì sinh nở thường khó khăn.

### Trong tú trụ Quý Cháu có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

### Trong tú trụ Quý Cháu có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Cháu hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

### Tú trụ có Dương Nhận

Dương nhẫn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhẫn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhẫn. Ngày chủ xung thích Dương nhẫn hộ vệ bảo vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhẫn không hiển lộ. Dương nhẫn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhẫn, thiên quan càng vượng lại có chính án tiếp trợ gọi là "Sát án tương sinh"

Dương nhẫn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhẫn: cung vợ có tồn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhẫn: lảng lơ hoang dâm.

e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhẫn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao án không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.

f: Trong mệnh sao sát, Dương nhẫn đều có: hành vận Dương nhẫn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh.

g: Dương nhẫn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo.

h: Dương nhẫn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến.

j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhẫn can là sao tài gọi là nhẫn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhẫn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

### Trụ tháng có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

### Trụ tháng có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

### Trụ tháng có Dương nhẫn

Tháng có Dương nhẫn: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

### Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ vẽ nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong

hình xung phá.

### Trong tú trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tưu sắc phá gia tài.

b: Või thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Või hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

### Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Cầu (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cầu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cầu. Cầu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hình phạt. Ngày tuế vận gặp cầu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.

### Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tú trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niêm đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuơng của nguyên thần thì có thể vô hại.

### Hàm trì / Đào hoa

Người mà tú trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

### Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cỗ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tú trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn

những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen ró trong tập thể.

### Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khoẻ trường thọ.

### Can năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

#### Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm gặp tài, quan, án lại còn gặp sinh vượng là cha mẹ không giàu thì sang.

Trụ năm gặp tài, quan vượng là cha mẹ vinh hiển.

Nhật nguyên Quý Cháu sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thằn, hoặc dụng thằn là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Trẻ em gặp tài vượng là khắc cha mẹ.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thằn nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Chi năm Quý Cháu bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ

Chi năm bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ, nếu có quan sát hồn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ.

Lệnh tháng Quý Cháu khắc năm là cha mẹ không song toàn

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua

vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, thực là tổ nghiệp hưng thịnh.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm tháng xung nhau thì khó giữ được tổ nghiệp.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mâu địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Thân, tài đều nhược thì khó mà giữ được gia nghiệp.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Kiêng tháng đóng ở ngôi tí là phá mâu tổ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Trụ ngày Quý Cháu yếu, mà không có tǐ kiếp thì lấy án để tính số lượng anh em.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tứ trụ Quý Cháu không có tǐ kiếp và án tinh là từ bé đã gặp vận tǐ kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu** Thân - **Kỷ** Dậu về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tự ý chọn.

Trụ ngày Quý Cháu tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Mão** là **Mộc** sinh **Hỏa**.

Vợ chồng Quý Cháu có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Quý Cháu Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phôi hôn.

Chi ngày Quý Cháu là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Cháu lấy suy làm hại.

Quý Cháu có Chính tài vượng là vợ cả không dung thứ vợ lẽ.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu Người thân suy, tài vượng là phá tài và làm tổn hại vợ.

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Cháu có Trung Tứ trụ thương, kiêu đêù có là con yếu, vợ ngu.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Cháu có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Cháu có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Cháu có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Cháu có Tài nhiều, thân nhược cần có ân thụ để hỗ trợ thân.

Trong trụ Quý Cháu gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Cháu Thân nhược, tài nhiều khi hành đến vận tì kiếp thì mới phát tài.

Quý Cháu Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp át mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Cháu có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trọc phú.

Tài tinh Quý Cháu chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Cháu thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Cháu có Tài gặp đất phùng sinh tiền của vạn kho.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Trong Tứ trụ Quý Cháu kiêu thàn mừng nhất gặp tài tinh, khi thân nhược gặp phải là tai hoạ.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Cháu vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Cháu có Tài mừng gặp sát, mười người có đến chín người phú quý.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Thương quan Quý Cháu có Tài đến những năm đại vận và lưu niên gặp Quan, Sát, và kế bên có chữ Suy, Tuyệt thì sẽ mất tài, mất lộc.

Kiêu thàn mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Cháu thân nhược gặp phải là hoạ.

Quý Cháu có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

## Quan Vận

Quý Cháu có Sát Nhẫn rõ mà mạnh bằng nhau, chức tước tới Vương hầu (Thân phải vượng).

Quý Cháu Thương Quan có Nhẫn, có tài làm tướng.

Thiên Quan Quý Cháu có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quý Cháu có Tài sinh Thất Sát, quyền uy trên cả vạn người, có thêm Ân tương phù, làm quan cao cực phẩm.

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Cháu có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu Có Quan mà không có Ân, quan giả.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Cháu có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiền được.

Quý Cháu có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Thiên Quan Quý Cháu bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Cháu Có Sát không có Ân thiếu văn tài.

Quý Cháu có Thiên Ân nhiều, học nhiều thành tựu ít.

Quý Cháu Nhật yếu Thực Thương lại nhiều, sợ học.

Trụ tháng Quý Cháu Sát cùng Nhẫn, nổi danh.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

## Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Nhật chủ quá yếu, hợp mây nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Trụ Quý Cháu có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mây nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Cháu có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Cháu có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Cháu có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Thủ**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Thủ, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

---

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu có Thương quan gặp tài, thất sát bị kiềm chế là nhiều con.

Trụ nhật Quý Cháu làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Cháu có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Trụ giờ Quý Cháu được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Can giờ Quý Cháu suy là sinh con gái.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Trụ giờ Quý Cháu có thương quan là hào con cái khó khăn.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cưng như không.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Thương quan Quý Cháu bị chế ngự là cháu họ thừa tự.

Trụ giờ Quý Cháu gặp thương quan thì có con nhưng học hành dốt nát.

Quý Cháu Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Quý Cháu Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong trụ Quý Cháu sát ở ngôi túy thì con ngỗ ngược.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Quý Cháu có Thiên án đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Cháu có Kiêu thần nhiều, thân lại nhược, phần nhiều bị bệnh phổi.

Quý Cháu Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Cháu có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Cháu có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Cháu Nhật yếu, Thực Thương nhiều, hay bị váng đầu.

Hỏa quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ bị bệnh tim, bệnh bại huyết, viêm khớp, hôi chân, đau mắt. Tuổi còn trẻ thì dạ dày không tốt.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là túi sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

## Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng tròn sinh sôi cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng tròn sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng tròn sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng tròn sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có Kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thần	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Ất	Quý	KỶ	Ất	Đinh	Tân	Thực	Bệnh
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu	Mô		
Dưỡng	Q.Đới	Mô	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy			

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiêng niêng của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tội, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tội, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế Tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất

sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ân** (Chánh án) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên án) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng hành và cùng dậu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dậu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí mạnh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dậu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có

cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhò cha hoặc nhò vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

